TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2025/TLST-MERGEFIELD ký_hiệu KDTM18/07/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-KDTM ngày 27/08/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần H; địa chỉ trụ sở chính: Tầng B, Tòa nhà C, V, Phố N, Phường T, Quận C, Thành phố Hà Nội (nay là Phường Y, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức N - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Là người đại diện theo pháp luật của Công ty CP H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy M – Chức vụ: kế toán. Là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần H (Theo giấy ủy quyền số 08/2025/GUQ-HNC ngày 05/05/2025). Địa chỉ: Suối Thông C, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

2. Bị đơn: Công ty TNHH X; địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường M, Khu phố H, Phường T, Thành phố T, Tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:* Ngày 25/09/2024, Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty cổ phần H (sau đây gọi chung là "Công ty Hợp Nhất") và Công ty TNHH X (sau đây gọi chung là "Công ty X") ký kết Hợp đồng dịch vụ bưu chính số 3009/2024 HNC-MLA (sau đây gọi chung là "Hợp đồng dịch vụ"). Theo đó, Công ty H là bên có trách nhiệm cung cấp dịch vụ chuyển phát tài liệu hàng hóa, dịch vụ vận chuyển và các dịch vụ khác theo yêu cầu của Công ty X đối với từng lô hàng cụ thể.

Trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ, các bên đã thực hiện một số dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa trong thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 12/2024. Công ty H đã thực hiện nghiêm túc và đã hoàn thành các công việc thuộc nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng giao nhận, vận chuyển. Tổng cước phí vận chuyển và dịch vụ của Công ty H là 15.332.078 đồng (mười lăm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng) (đã bao gồm VAT).

Công ty H đã lập đầy đủ hóa đơn GTGT tương ứng với tổng số tiền cước phí vận chuyển và dịch vụ. Theo quy định tại Khoản 3.5 Điều 3 Hợp đồng dịch vụ thì Công ty X có nghĩa vụ phải thanh toán tiền cước cho Công ty H trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận bảng kê cước phí.

Công ty X thanh toán số tiền công nợ còn lại nhưng Công ty X đã nhiều lần khất nợ. Công ty H đã nhiều lần yêu cầu Công ty X nhưng hứa hẹn trả nợ đến thời điểm hiện tại, Công ty X vẫn chưa thanh toán cho Công ty H số tiền công nợ 15.332.078 đồng (mười lăm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng). Công ty H cũng đã gửi nhiều văn bản và cử người đến trụ sở của Công ty X nhiều lần nhưng Công ty X trốn tránh không gặp.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn gồm:

- Yêu cầu Công ty TNHH X thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc (đã bao gồm VAT) chưa thanh toán của Hợp đồng dịch vụ bưu chính số 3009/2024 HNC-MLA ngày 25/09/2024 là 15.332.078 đồng (Mười lăm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng).

- Tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất 9%/năm kể từ thời điểm đến hạn thanh toán cho đến thời điểm thanh toán hoặc thời điểm vụ án được giải quyết bởi một bản án/ quyết định/ phán quyết có hiệu lực của Tòa án.

* Bị đơn Công ty TNHH X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đại diện bị đơn Công ty TNHH X không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối tượng tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1, Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn Công ty TNHH X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty TNHH X vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Công ty cổ phần H (sau đây gọi chung là "Công ty H”) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH X (sau đây gọi chung là “Công ty X") phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc (đã bao gồm VAT) chưa thanh toán của Hợp đồng dịch vụ bưu chính số 3009/2024 HNC-MLA ngày 25/09/2024 là 15.332.078 đồng (Mười lăm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng)

[2.2] Xét Hợp đồng dịch vụ bưu chính số 3009/2024 HNC-MLA ngày 25/09/2024 được ký kết giữa Công ty H và Công ty X thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X đã không thanh toán đầy đủ cho Công ty H số tiền còn nợ và đã không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Khoản 3.5 Điều 3 Hợp đồng dịch vụ mà hai bên đã ký kết, như vậy Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nghĩa vụ thanh toán, hiện Công ty X còn nợ Công ty H với số tiền nợ mà Công ty X còn nợ theo Hợp đồng dịch vụ bưu chính số 3009/2024 HNC-MLA ngày

25/09/2024 là 15.332.078 đồng (Mười lăm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng)

[3] Xét thấy, bị đơn Công ty X trong quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Công ty X nhưng Công ty X không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy thể hiện bị đơn Công ty X vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn và đương sự khác xuất trình và do Tòa án thu thập.

[4] Như vậy yêu cầu của nguyên đơn Công ty H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty X phải trả số tiền tiền mà Công ty X còn nợ theo Hợp đồng dịch vụ bưu chính số 3009/2024 HNC-MLA ngày 25/09/2024 số tiền 15.332.078 đồng (Mười lăm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 513, 514, 515, 519 Bộ luật dân sự.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Công ty H yêu cầu Tòa án tính tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất 9%/năm kể từ thời điểm đến hạn thanh toán cho đến thời điểm thanh toán hoặc thời điểm vụ án được giải quyết bởi một bản án/ quyết định/ phán quyết có hiệu lực của Tòa án.

Xét yêu cầu về lãi suất theo cam kết Tại mục 3.5 Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ bưu chính số 3009/2024 HNC-MLA ngày 25/09/2024 thỏa thuận giữa hai bên thì bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng N1 quy định tại thời điểm thanh toán và nguyên đơn đã xuất hóa đơn tài chính cho bị đơn. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Như vậy thời điểm đến hạn thanh toán là ngày 30/11/2024 đến ngày 29/9/2025 với lãi xuất 9%/năm cụ thể là: 15.332.078 đồng x 9%/năm (từ ngày 30/11/2024 đến ngày 29/9/2025) = 1.086.435đồng là phù hợp theo quy định tại các 306 Luật Thương mại.

[6] Từ những nhận xét và phân tích trên: Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H đối với bị đơn Công ty X về việc thanh toán tổng số tiền tiền nợ còn nợ theo Hợp đồng dịch vụ bưu chính số 3009/2024 HNC-MLA ngày 25/09/2024 là 15.332.078 đồng (Mười lăm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng) và tiền lãi chậm trả cần phải thanh toán đến ngày

29/9/2025 là 1.086.435đồng. Tổng số tiền cần phải thanh toán là 16.418.513đồng (Mười sáu triệu bốn trăm mươi tám nghìn năm trăm mươi ba đồng).

[7] Ý kiến phát biểu của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 513, 514, 515, 519 Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần H đối với Công ty TNHH X về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Buộc bị đơn Công ty TNHH X có trách nhiệm thanh toán tiền nợ và tiền lãi chậm trả cho Công ty cổ phần H tổng số tiền là 16.418.513 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm mươi tám nghìn năm trăm mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 15.332.078 đồng và nợ lãi chậm trả là 1.086.435đồng.

2. Về án phí sơ thẩm:

+ Công ty TNHH X phải nộp 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Công ty cổ phần H không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần H số tiền 377.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số 0002169 ngày 07/07/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự (hoặc người đại diện đương sự) có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS Khu vực 15 Thành phố HCM)
- Đương sự;
- Lưu: HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong